

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – NINH BÌNH
Bản án số: 257/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 08-12-2025

Vv: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”
giữa chị Võ Thị H và anh Trần Văn
M

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Bang.

Hội thẩm nhân dân:

Bà Dương Thị Hương;

Ông Đặng Bá Việt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Soan - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7 – Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 7 – Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 207/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2025 về “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị H, sinh ngày 20-02-1982; căn cước công dân: 044182008xxx; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Thôn V, xã C, tỉnh Khánh Hoà. Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Văn M, sinh ngày 16-04-1977; căn cước công dân: 036077021161; nơi đăng ký thường trú: Thôn V, xã S, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hoà; Nơi cư trú: Thôn Đ, phường M, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 14-02-2025, bản tự khai ngày 04-3-2025 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn - chị Võ Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn M tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình (Nay là Ủy ban nhân dân xã Q, tỉnh Quảng Trị) vào ngày 16-7-2005. Quá trình chung sống hai bên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do có nhiều khác biệt về lối sống. Anh M gia trưởng, bạo hành, đánh đập chị và đuổi mẹ con chị ra khỏi nhà. Sự việc kéo dài đã lâu nhưng chị đã chịu đựng vì thương các con. Chị không muốn các con sống trong hoàn cảnh gia đình đổ vỡ nhưng do anh M ngày càng quá đáng dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Vì vậy chị đề nghị toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Thị Huyền T, sinh ngày 27-12-2003 và Trần Thị Quỳnh N, sinh ngày 07-3-2010. Cháu Trâm đã đủ tuổi trưởng thành nên chị không yêu cầu Toà án giải quyết. Cháu Như đang sống cùng với chị. Ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con Trần Thị Quỳnh N. Việc cấp dưỡng nuôi con chị không đề nghị Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Anh Trần Văn M đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh M không đến làm việc. Ngày 24-10-2025 anh M gửi đơn xin không tham gia phiên toà với nội dung anh đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án và Giấy triệu tập đương sự nhưng do anh đang phải chăm sóc mẹ già ốm nên anh không thể đến Tòa án nhân dân khu vực 7 – Ninh Bình để giải quyết việc ly hôn với chị H. Anh xin chấp nhận theo Thông báo về việc thụ lý vụ án số 31/TB-TA ngày 21-02-2025 của Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hoà và Thông báo về việc thụ lý vụ án số 207/2025/TB-TLVA ngày 17-10-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7 Ninh Bình và không có ý kiến gì khác.

3. Tại bản tự khai ngày 19-9-2025 của cháu Trần Thị Quỳnh N trình bày: Cháu có nguyện vọng được ở với mẹ là chị Võ Thị H để có điều kiện sinh sống và học tập.

4. Tại biên bản thu thập tài liệu chứng cứ ngày 28-10-2025 chính quyền địa phương nơi anh Trần Văn M sinh sống xác nhận: Anh Trần Văn M, sinh năm 1977; cư trú tại tổ dân phố Đ, phường M, tỉnh Ninh Bình. Anh M có vợ là chị Võ Thị H, sinh năm 1982. Chị H không sinh sống tại địa phương mà cư trú tại tỉnh Khánh Hoà. Sau khi kết hôn vợ chồng anh M thường xuyên sinh sống tại tỉnh

Khánh Hoà. Do cuộc sống chung không hạnh phúc nên anh M đã bỏ về nhà tại tổ dân phố Đ, phường M, tỉnh Ninh Bình từ hơn một năm nay. Vợ chồng anh M, chị H có 02 con chung là Trần Thị Huyền T, sinh năm 2003 và Trần Thị Quỳnh N, sinh năm 2010. Cả hai con không sống cùng với anh M.

5. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Ninh Bình căn cứ vào Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 48, Điều 97 và Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, nhận xét đánh giá về quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự. Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét mâu thuẫn giữa chị Võ Thị H và anh Trần Văn M đã trầm trọng, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử lý hôn giữa chị H và anh M.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị H: giao con chung là Trần Thị Quỳnh N, sinh ngày 07-3-2010 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H, anh M không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản và công nợ chung: Chị Võ Thị H, anh Trần Văn M không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn chị Võ Thị H phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Chị Võ Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề ly hôn và nuôi con chung với anh Trần Văn M. Xét thấy tranh chấp giữa chị H và anh M là tranh chấp về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là anh Trần Văn M cư trú tại Thôn Đại Thắng, phường Mỹ Lộc, tỉnh Ninh Bình. Căn cứ Điều 35, điểm a khoản 1 Điều

39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình.

[1.3] Về sự có mặt của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn là chị Võ Thị H và bị đơn là anh Trần Văn M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H và anh M.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị H và anh Trần Văn M kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình (nay là Ủy ban nhân dân xã Q, tỉnh Quảng Trị) vào ngày 16-7-2005 nên là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống chị H và anh M phát sinh nhiều mâu thuẫn nhưng lại không có biện pháp giải quyết nên mâu thuẫn dẫn đến việc anh M đã bỏ về quê sinh sống. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã báo gọi anh M đến Tòa án trình bày quan điểm đối với yêu cầu xin ly hôn của chị H nhưng anh M không đến Tòa án để làm việc, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ. Anh M có đơn xin chấp nhận theo Thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa và Thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân khu vực 7 Ninh Bình và không có ý kiến gì khác. Nội dung đơn của anh M không có quan điểm về việc giải quyết vụ án, thể hiện anh M không có thiện chí hòa giải, giải quyết mâu thuẫn của vợ chồng.

Xét mâu thuẫn của vợ chồng chị H, anh M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử có căn cứ xử cho ly hôn giữa chị Võ Thị H và anh Trần Văn M theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nuôi con chung: Vợ chồng chị H, anh M có 02 con chung là Trần Thị Huyền T, sinh ngày 27-12-2003 và Trần Thị Quỳnh N, sinh ngày 07-3-2010. Cháu Trần Thị Huyền T đã đủ tuổi trưởng thành nên không xem xét, giải quyết. Chị H có nguyện vọng nuôi con Trần Thị Quỳnh N. Anh M không có quan điểm về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Cháu N cũng có quan điểm xin được ở với mẹ. Căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy cháu N hiện đang ở cùng với chị H. Để đảm bảo cho sự phát triển ổn định của con chung nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Như cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Võ Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị H và anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn là chị Võ Thị H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Võ Thị H và anh Trần Văn M.
2. Về giao nuôi con chung: Giao cho chị Võ Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Trần Thị Quỳnh N, sinh ngày 07-3-2010; Giới tính : Nữ.

Anh Trần Văn M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Võ Thị H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0008254 ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hoà (nay là Chi cục thi hành án dân sự khu vực 2 - Khánh Hoà).

4. Quyền kháng cáo: Chị Võ Thị H và anh Trần Văn M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì chị Võ Thị H và anh Trần Văn M có quyền thỏa thuận thi

hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND KV7 - Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- UBND xã Q, tỉnh Quảng Trị (ĐK ngày 16-7-2005 tại UBND xã Q, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình cũ);
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Bang

